

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **500/2021/HNGĐ-ST**.

Ngày: 09/12/2021.

V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Bà Mai Thị Thu Dung

*Các Hội thẩm nhân dân* : 1. Ông Nguyễn Ngọc Hai

2. Ông Hà Nguyễn Minh Nam

**- Thư ký phiên tòa** : Bà Hoàng Thị Huế -

là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận** tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 373/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim O

sinh năm: 1958

Thường trú: 50/12 TS, Phường 2, quận T, TP H.

Nơi ở hiện nay: 9/9 NT, Phường 3, quận G, TP H.

(có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Phạm Thị Nhung thuộc Công ty Luật TNHH Quốc tế Nguyễn & Cộng sự

- Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Đào Tuấn M

sinh năm: 1961

Thường trú: 50/12 TS, Phường 2, quận T, TP H.

Tạm trú: 776/13<sup>AB</sup> NK, Phường 4, quận P, TP H.

(có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2021 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1987 bà và ông Đào Tuấn M có quan hệ tình cảm với nhau, hai bên kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy

ban nhân dân Phường 6, Quận 1, TP HCM theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyền số 01 ngày 27/5/1987.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Nhưng từ năm 2017 trở lại đây, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, không quan tâm gì đến nhau dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc.

Nguyên nhân do ông M đã có nhiều việc làm sai trái ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình, cụ thể là ảnh hưởng đến vợ và hai người con, kể cả sự an toàn đến tính mạng của bà và các con. Từ năm 2019 đến nay hai vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở mỗi nơi.

Nhận thấy, tình cảm yêu thương, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau giữa vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của bà là đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đào Tuấn M.

*Về con chung:* Có 02 con chung là Đào Tuấn A, sinh ngày 13/02/1988 và Đào Tuấn H, sinh ngày 12/7/1998. Cả hai đều đã trưởng thành.

*Về tài sản chung:* Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có.

- *Bị đơn ông Đào Tuấn M trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Thời gian xây dựng gia đình và tình trạng quan hệ hôn nhân giữa ông và bà O đúng như lời bà O vừa trình bày.

Ông thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019 đến nay, hai vợ chồng đã sống ly thân, ông sống cùng mẹ ruột của ông, còn bà O sống cùng hai người con.

Ông thừa nhận trong quá trình chung sống với bà O, ông đã có những việc làm sai trái làm ảnh hưởng đến vợ và các con. Tuy nhiên, đến nay ông vẫn còn tình cảm thương yêu vợ và các con. Ông sắp sửa nghỉ hưu nên muốn gia đình đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* có 02 con chung là Đào Tuấn A, sinh ngày 13/02/1988 và Đào Tuấn H, sinh ngày 12/7/1998. Cả hai đều đã trưởng thành.

*Về tài sản chung:* Do đặc thù nghề nghiệp nên trước đây ông đã sang tên toàn bộ tài sản cho hai người con. Nay nếu vợ ông và các con đồng ý hỗ trợ ông số tiền 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng để ông lo cuộc sống của ông thì ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà O. Ông xác nhận đây chỉ là ý kiến trình bày của ông, không phải là yêu cầu phản tố.

*Về nợ chung:* Không có

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án. Do đó, Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

***Tại phiên tòa hôm nay:***

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà O và ông M kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân của bà O và ông M là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

*Về con chung:* Trong quá trình chung sống, ông M và bà O có 02 người con chung là Đào Tuấn A, sinh ngày 13/02/1988 và Đào Tuấn H, sinh ngày 12/7/1998. Cả hai đều đã trưởng thành.

*Về tài sản chung:* Không có tài sản chung.

*Về nợ chung:* Không có.

- *Nguyên đơn bà O trình bày:* Thống nhất với toàn bộ ý kiến luật sư vừa trình bày ở trên.

- *Bị đơn ông M trình bày:* Ông vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong các buổi làm việc ở Tòa án. Cụ thể:

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông vẫn còn tình cảm thương yêu vợ con, hiện nay ông đã nghỉ hưu, muốn gia đình sống đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Có 02 con chung là Đào Tuấn A, sinh ngày 13/02/1988 và Đào Tuấn H, sinh ngày 12/7/1998. Cả hai đều đã trưởng thành.

*Về tài sản chung:* Ông xác định không có tài sản chung. Tuy nhiên, do đặc thù của nghề nghiệp nên trước đây ông đã sang tên toàn bộ tài sản cho hai người con. Nay ông có nguyện vọng muốn các con hỗ trợ cho ông số tiền 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng để ông lo cuộc sống của ông thì ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà O. Ông xác nhận đây chỉ là ý kiến đề nghị, không phải là yêu cầu phản tố.

*Về nợ chung:* Không có

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Ông M và bà O kết hôn với nhau trên tình thân tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà O là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Như vậy, cuộc sống hạnh phúc của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử

căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: có 02 con chung là Đào Tuấn A, sinh ngày 13/02/1988 và Đào Tuấn H, sinh ngày 12/7/1998. Cả hai đều đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:*

Căn cứ vào đơn xin ly hôn cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy bị đơn ông Đào Tuấn M có hộ khẩu thường trú tại quận T, TP H nhưng thực tế ông M tạm trú tại quận P từ năm 2019 đến nay nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận theo thủ tục tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Nguyễn Thị Kim O và ông Đào Tuấn M tự nguyện chung sống với nhau nên vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông M là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để xây dựng cuộc sống gia đình ấm no hạnh phúc. Tuy nhiên, cuộc sống chung giữa bà O và ông M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả ông M và bà O cũng thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2019 đến nay, hai người đã sống ly thân. Ông M sống cùng mẹ ruột ở quận P, còn bà Oanh sống cùng hai người con ở quận Gò Vấp.

Mặc dù ông M không đồng ý ly hôn, muốn gia đình đoàn tụ vì ông vẫn còn thương yêu vợ con. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy, như đã phân tích ở trên, mâu thuẫn vợ chồng ông M và bà O đã đến mức trầm trọng, tình cảm yêu thương giữa hai vợ chồng không còn nên khả năng đoàn tụ là không có. Ngoài ra, lời khai của hai người con chung của ông M và bà O cũng xác nhận trong quá trình chung sống giữa ông M và bà O có nhiều bất đồng, mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung:*

Có 02 con chung là Đào Tuấn A, sinh ngày 13/02/1988 và Đào Tuấn H, sinh ngày 12/7/1998. Cả hai đều đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

Ý kiến của ông M trình bày là trong trường hợp các con của ông đồng ý hỗ trợ ông số tiền 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng để ông lo cuộc sống của riêng ông thì ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà O. Ông xác nhận đây chỉ là ý kiến đề nghị, không phải

là yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử nhận thấy ý kiến này không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, vì đây không phải là yêu cầu phản tố của ông M. Do vậy, trong trường hợp nếu có tranh chấp về tài sản giữa ông M và các con của ông thì các bên đều quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim O thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà O vẫn đồng ý chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Kim O được ly hôn với ông Đào Tuấn M. Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01 do UBND Phường 6 (nay là phường Đa Kao), Quận 1, TP HCM cấp ngày 27/5/1987 cho bà Nguyễn Thị Kim O và ông Đào Tuấn M không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung:* Có 02 con chung là Đào Tuấn A, sinh ngày 13/02/1988 và Đào Tuấn H, sinh ngày 12/7/1998. Cả hai đều đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

**2.** Về án phí: Án phí của vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019899 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O đã nộp đủ án phí.

**3.** Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- UBND Phường 6, Quận 1, TPHCM  
(nay là phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM);
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Thu Dung**

